TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN X **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
_____	_____

Bản án số: 103/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06/3/2025
V/v "Ly hôn giữa bà T và ông C"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Nhì.

2. Bà Phan Thị Hồng Hoa

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – thư ký Toà án nhân dân QUẬN X, THÀNH PHỐ H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân QUẬN X, THÀNH PHỐ H tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Anh Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân QUẬN X, THÀNH PHỐ H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 553/2024/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXX-ST ngày 18/02/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thanh T – sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Số 193/3 đường Q, Phường S, QUẬN X, THÀNH PHỐ H.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn C – sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 193/3 đường Q, Phường S, QUẬN X, THÀNH PHỐ H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Phạm Thanh T trình bày: bà và ông Trần Văn C tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1998, có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 20, do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, THÀNH PHỐ H cấp ngày 14/7/1998).

Trong quá trình chung sống với nhau do không hợp nhau về cách sống nên cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, hai bên thường xuyên cãi nhau, đã hàn gắn nhưng không giải quyết được, hai bên đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, mỗi người ở riêng 1 phòng, không ăn cơm chung, thậm chí 4 năm nay hai bên không nói chuyện với nhau, không quan tâm cuộc sống đối phương thế nào mặc dù sống chung nhà, kinh tế hai bên độc lập riêng biệt. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: có 02 chung tên là Trần Phạm Minh M (nam) – sinh ngày 03/12/2000 và Trần Phạm Minh T (nam) – sinh ngày 25/9/2002 (đều đã thành niên).

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn ông Trần Văn C trình bày tại bản khai: Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn, do hai bên không hợp tính tình, quan điểm sống, vì vậy để tránh va chạm nên hai bên mặc dù sống chung nhà nhưng ở phòng riêng, không ăn cơm chung, không nói chuyện với nhau, kinh tế độc lập không liên quan đến nhau từ năm 2022 cho đến nay.

Do ông đạo thiên chúa nên không được phép ký giấy ly hôn.

Trường hợp Tòa án xử cho bà Phạm Thanh T được ly hôn với ông, ông không có ý kiến.

Về con chung: 02 con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn có đơn xin vắng mặt và được hội đồng xét xử chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X, THÀNH PHỐ H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đúng thẩm quyền xét xử, việc tống đạt các thông báo, giấy triệu tập, quyết định… của Tòa cho các đương sự hợp lệ, đúng với quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn, đúng địa điểm, thành phần, đảm bảo thời gian luật quy định, thành phần những người tiến hành tố tụng không thuộc trường hợp phải thay đổi. Xét thấy, theo lời trình bày của bà T và ông C là phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X, THÀNH PHỐ H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Phạm Thanh T được ly hôn với ông Trần Văn C; Về con chung đã trưởng thành; Về tài sản chung và nợ chung: hai bên xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thanh T thực hiện đúng quy định tại các Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thanh T đối với bị đơn ông Trần Văn C có nơi cư trú tại QUẬN X nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân QUẬN X, THÀNH PHỐ H có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn C và bà Phạm Thanh T có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Phạm Thanh T trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016, hai bên thường xuyên cãi nhau, đã hàn gắn nhưng không giải quyết được mỗi người ở riêng 1 phòng, không ăn cơm chung, thậm chí 4 năm nay hai bên không nói chuyện với nhau, không quan tâm cuộc sống đối phương thế nào mặc dù sống chung nhà, kinh tế hai bên độc lập riêng biệt. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông C nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

Phía bị đơn ông Trần Văn C trình bày vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn, do hai bên không hợp tính tình, quan điểm sống, vì vậy để tránh va chạm nên hai bên mặc dù sống chung nhà nhưng ở phòng riêng, không ăn cơm chung, không nói chuyện với nhau, kinh tế độc lập không liên quan đến nhau từ năm 2022 cho đến nay. Do ông đạo thiên chúa nên không được phép ký giấy ly hôn.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình..." nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn mặc dù sống chung nhà nhưng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không ăn cơm chung, thậm chí không nói chuyện với nhau, kinh tế độc lập không liên quan đến nhau từ năm 2022 cho đến nay, cả hai xác định không còn tình cảm với nhau nhưng do ông C đạo Thiên chúa nên không được phép ký giấy ly hôn. Cả hai bên không có sự quan tâm vun đắp xây dựng cho cuộc sống gia đình chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng không hàn gắn được.Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[5]. Về con chung: đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí ly hôn bà Phạm Thanh T chịu theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: bà Phạm Thanh T và ông Trần Văn C được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147 và Điều 189, Điều 266, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa và bà Phạm Thanh T và ông Trần Văn C.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 20, do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, THÀNH PHỐ H cấp ngày 14/7/1998 cấp không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Đã trưởng thành

3. Về tài sản chung và nợ chung: hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: là 300.000 đồng bà Phạm Thanh T phải chịu; nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010423 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN X, THÀNH PHỐ H. Bà Phạm Thanh T đã nộp đủ án phí.

5. Bà Phạm Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trần Văn C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.H;
- VKSND TP.H;
- VKSND Q.X;
- CCTHADS Q.X;
- UBND P.B, Q T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thu